# CTCP Tập đoàn ASG

FireAnt

| Ngày 31/03/2024 | 21,150 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| **Thay đổi** | *1 tháng* | *3 tháng* | *6 tháng* |
| | **-0.5%** | **8.0%** | **1.4%** |

| | |
|---|---|
| Sàn giao dịch | HSX |
| Khoảng giá 52 tuần | 19,091 - 22,000 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 1,920 |
| Số lượng CPLH (CP) | 90,784,669 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 3,110 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.9% |
| Beta | 0.03 |
| EPS | 40 |
| P/E | 529.6 |

**DT thuần**
*Q1/24*
**467**
*tỷ VNĐ*
QoQ: ▼46.0| -9.0%
YoY: ▲ 19.0| 4.2%

**LN trước thuế**
*Q1/24*
**8.50**
*tỷ VNĐ*
QoQ: ▼6.80| -44.5%
YoY: ▼6.20| -42.2%

**LN sau thuế**
*Q1/24*
**2.01**
*tỷ VNĐ*
QoQ: ▼7.40| -78.6%
YoY: ▼6.08| -75.1%

**ROA**
2023
**0.1%**
+/- YoY: ▼ 3.4%

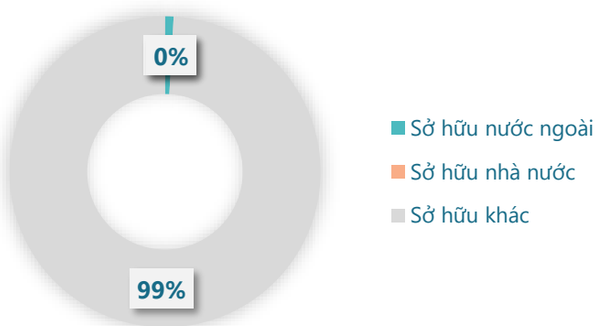
**DT thuần**
*2023*
**1,920**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▼60.0| -3.0%

**LN trước thuế**
*2023*
**52.5**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▼150| -74.0%

**LN sau thuế**
*2023*
**27.0**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▼125| -82.2%

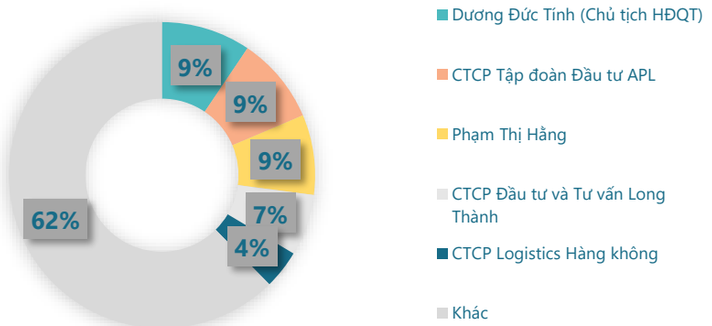
**ROE**
2023
**0.2%**
+/- YoY: ▼ 5.4%

## Cơ cấu sở hữu



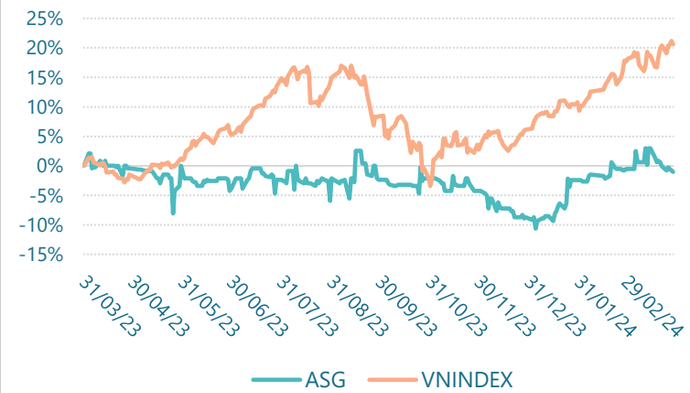

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông

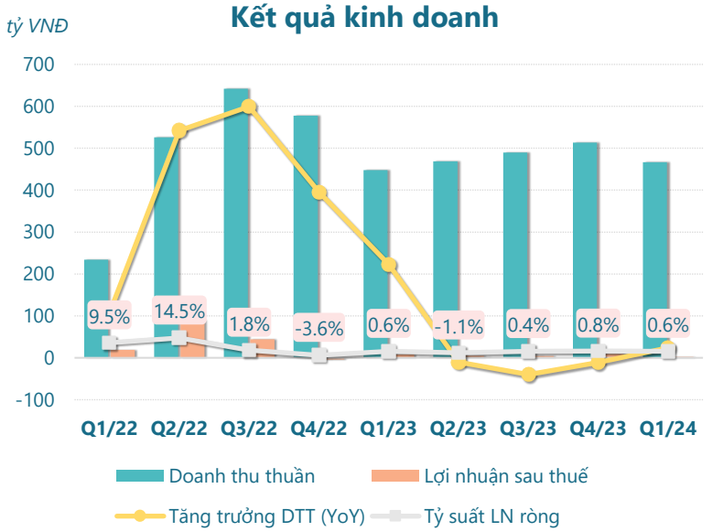



*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận

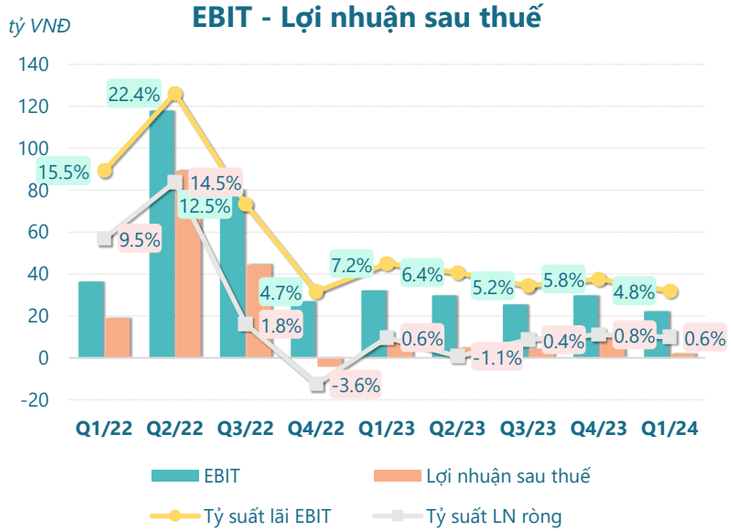


## Kết quả kinh doanh



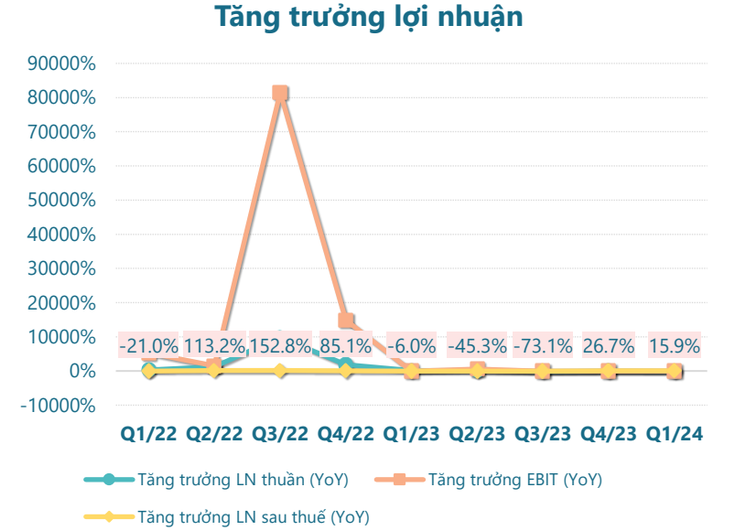

(Nguồn: fireant.vn)

## EBIT - Lợi nhuận sau thuế



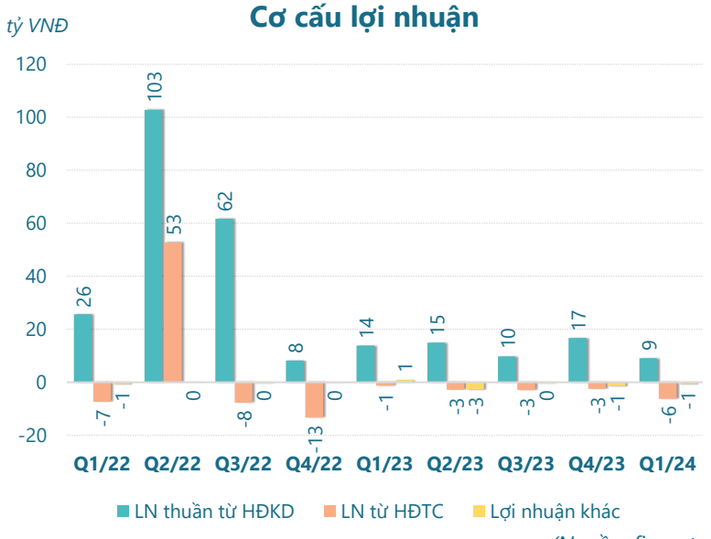

(Nguồn: fireant.vn)

## Tăng trưởng lợi nhuận



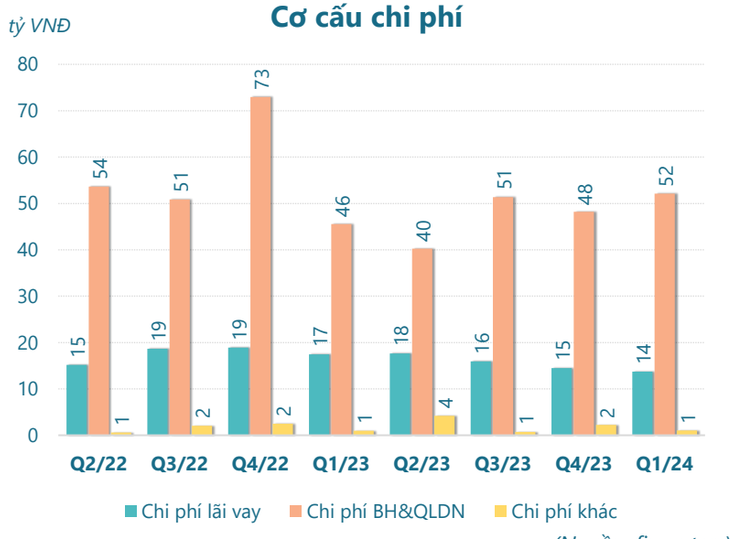

(Nguồn: fireant.vn)

## Cơ cấu lợi nhuận



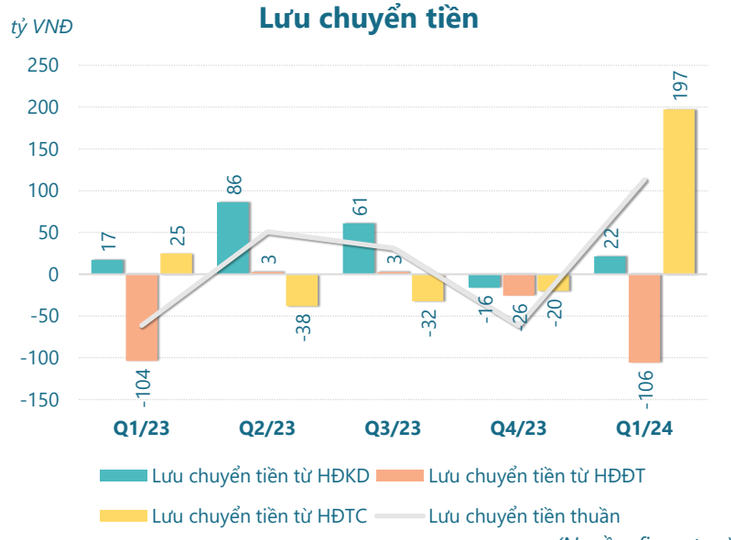

(Nguồn: fireant.vn)

## Cơ cấu chi phí




(Nguồn: fireant.vn)

## Lưu chuyển tiền

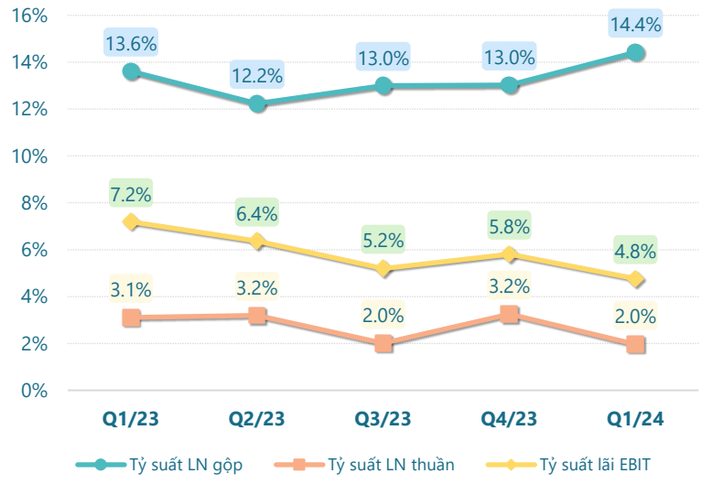



(Nguồn: fireant.vn)

# CTCP Tập đoàn ASG

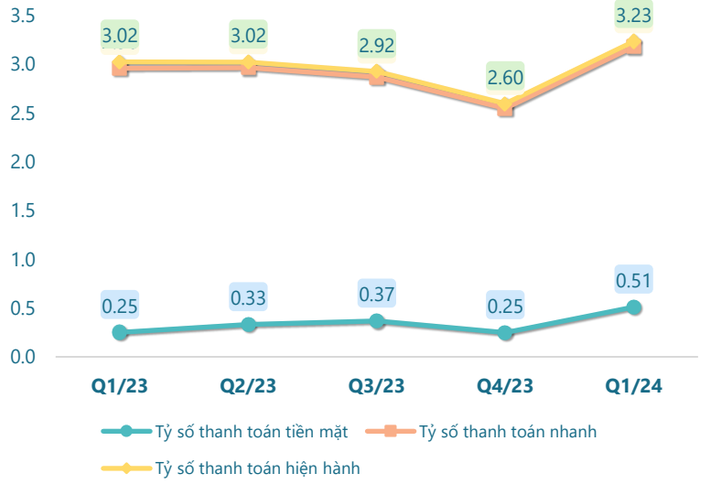
FireAnt

## Tỷ suất lợi nhuận



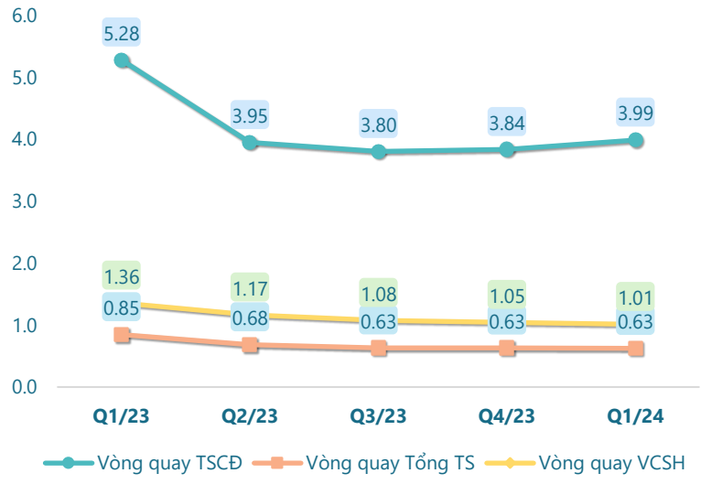

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản



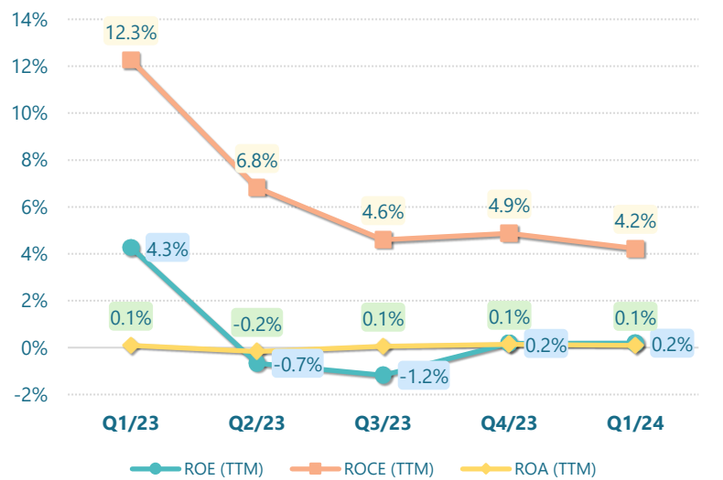

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



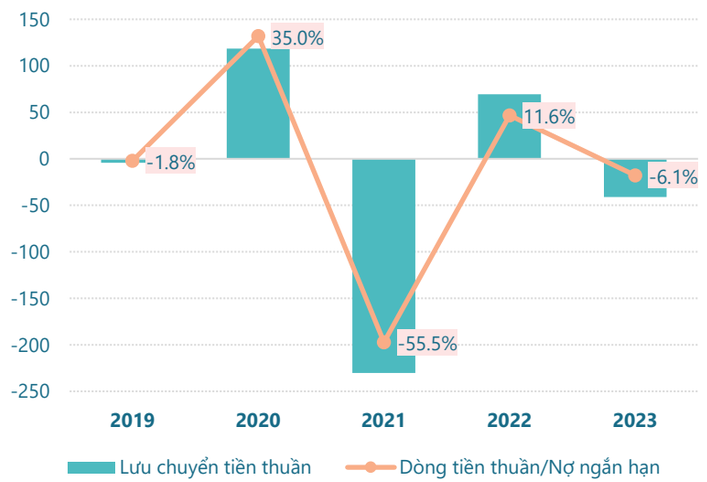

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi



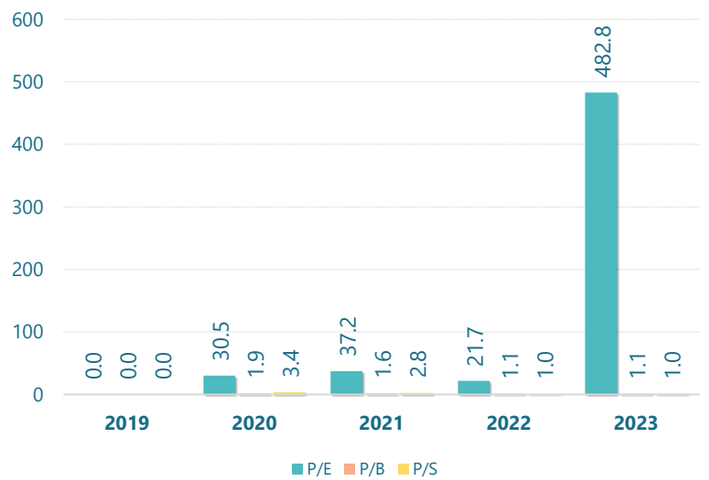

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nhóm chỉ số định giá




*(Nguồn: fireant.vn)*